

Bản án số: 172/2024/HNGĐ – ST  
Ngày: 18/9/2024  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Nguyên và ông Trần Thanh Việt

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

*- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:* Bà Trần Yến Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số số 432/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 589/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 563/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thúy K**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.**

+ Bị đơn: Ông **Võ Thanh V**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **Số A, khóm T, phường M, thành phố L, An Giang.**

(Bà **K** có đơn xin xét xử vắng mặt, ông **V** vắng mặt lần thứ hai)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà **Lê Thị Thúy K** trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **V** tự tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 12/10/2015. Sau khi chung sống hạnh phúc đến khi bà **K** sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông **V** thường không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu về sau đó thì chửi mắng bà **K** và người thân của bà. Do không chịu đựng được nên bà **K** và ông **V** bắt đầu ly thân từ tháng 04 năm 2024 đến nay. Bà **K** nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **V**.

2. Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên **Võ Trọng K1**, sinh ngày 08/2/2016 và **Võ Lê Cát T**, sinh ngày 21/3/2023. Con chung hiện nay bà **K** đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà **K** yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông **V** cấp dưỡng.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là ông **Võ Thanh V** vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**

\* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

+ Bà **Lê Thị Thúy K** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Ông **Võ Thanh V** vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

**- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa**

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

**- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng**

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị:**

Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thúy K** được ly hôn với ông **Võ Thanh V**.

Về con chung: Giao **Võ Trọng K1** sinh ngày 08/02/2016, **Võ Lê Cát T** sinh ngày 21/3/2023 cho bà **Lê Thị Thúy K** nuôi dưỡng, ông **Võ Thanh V** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tranh chấp giữa bà **Lê Thị Thúy K** với ông **Võ Thanh V** là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại **số A, khóm T, phường M, thành phố L, An Giang**. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông **Võ Thanh V** theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông **V** vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay. Bà **K** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà **K** và ông **V**.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **V** tự tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường M** vào ngày 12/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi bà **K** sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông **V** không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu về sau đó thì chửi mắng bà **K** và người thân của bà. Do không chịu đựng được nên bà **K** và ông **V** bắt đầu ly thân từ tháng 04 năm 2024 đến nay. Bà **K** nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **V**.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà **K** và tạo thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà **K** vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng giữa vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Từ đó, có thể nhận thấy ông **V** không còn quan tâm đến hôn nhân của mình, mặt khác tình cảm của bà **K** dành cho vợ không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà **K** được ly hôn với ông **V**.

[2.3] Về con chung: Bà **K** và ông **V** có 02 con chung tên **Võ Trọng K1**, sinh ngày 08/2/2016 và **Võ Lê Cát T**, sinh ngày 21/3/2023, con chung hiện nay đang sống với bà **K**. Sau khi ly hôn bà **K** yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông **V** cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu **Võ Trọng K1** và **Võ Lê Cát T** hiện nay do bà **K** chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác cháu **K1** cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu **Võ Trọng K1**, sinh ngày 08/2/2016 và **Võ Lê Cát T**, sinh ngày 21/3/2023 cho bà **K** tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.



Bà **Lê Thị Thúy K** và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông **Võ Thanh V** được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà **Lê Thị Thúy K** không yêu cầu ông **Võ Thanh V** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Lê Thị Thúy K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà **Lê Thị Thúy K** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thúy K**. Bà **Lê Thị Thúy K** được ly hôn với ông **Võ Thanh V**.

- Về con chung: Giao cháu **Võ Trọng K1**, sinh ngày 08/2/2016 và **Võ Lê Cát T**, sinh ngày 21/3/2023 cho bà **K** tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà **Lê Thị Thúy K** và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông **Võ Thanh V** được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia

đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Bà **Lê Thị Thúy K** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002352 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà **Lê Thị Thúy K** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THỊ ĐỨC A**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Đức Anh**







